

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST

Ngày: 18 – 3 – 2025

V/v: “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại về đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thuý Nhị - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 02 và ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp BTTH về đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2024/QĐXXST-DS ngày 12/2/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1973 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:**

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1974; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Chí L, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Võ Ngọc T1, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần V1.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang L1, sinh năm 1992 – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1973 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2019, biên bản hòa giải ngày 27/12/2023 cùng các văn bản khác nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày: Vào ngày 29/5/2005, giữa ông và ông Nguyễn Chí L có xác lập hợp đồng mua bán đất phần đất ngang 4,3m dài 40m giá 31.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng thì đất ông L đã lên nền và có hai bên có ra thực địa chỉ ranh cụ thể. Cụ thể trong điều khoản hợp đồng thì ông L cam kết phần đất nếu có trở ngại ông L sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Phần đất chuyển nhượng ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AD 524101 thửa đất số 290, tờ bản đồ số 04, diện tích 172m² được UBND huyện P, tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/12/2005, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 15/11/2016, qua bản mô tả ranh giới, mốc giới thì phần đất của ông nằm trên tuyến lộ. Căn cứ hợp đồng việc phần đất trên nằm trên tuyến lộ (có trở ngại) thì ông L hoàn toàn chịu trách nhiệm. Ông có làm đơn yêu cầu đến UBND xã P để giải quyết. Ngày 11/5/2018 vụ việc được UBND xã P, vụ việc được hòa giải và không có tranh chấp xảy ra được thể hiện trong biên bản hòa giải hai bên thống nhất thỏa thuận. Cụ thể ông L đồng ý đổi phần đất khác với diện tích ngang 6m x dài 44m, tổng diện tích là 264m² tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Tuy nhiên, vụ việc kéo dài nhưng ông L không thực hiện theo sự thỏa thuận trong quá trình hòa giải. Trước khi tiến hành hòa giải tại địa phương khoảng 4 - 5 tháng thì ông mới biết việc ông L tự ý lấy một phần đất mà ông L đã chuyển nhượng cho ông để ông L hiến cho UBND xã P để làm tuyến lộ từ lộ V - Cái Đôi V đến Trạm y tế xã P. Từ khi ông L hiến đất của ông đến khi biết được sự việc ông có hỏi UBND xã P thì UBND xã P trả lời là đất của ông L nên ông L hiến. Từ đó, phát sinh tranh chấp. Vì vậy, tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2019 ông yêu cầu vợ chồng ông L, bà T1 thực hiện việc hoán đổi quyền sử dụng đất theo đúng như nội dung thỏa thuận.

Ngày 21/11/2023 ông có đơn thay đổi đơn khởi kiện: Ông xác định việc ông L lấy đất của ông hiến cho UBND xã P là ông L có lỗi một phần và UBND xã P

nhận đất hiến nhưng không kiểm tra thông tin thửa đất cũng có lỗi. Do đó, yêu cầu giải quyết buộc UBND xã P và ông L, bà T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường diện tích phần đất 171m² theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn UBND xã P trình bày: Thực hiện chủ trương của cấp trên việc triển khai mở tuyến lộ bê tông V - P do nguồn vốn gặp khó khăn, không thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng. Nhưng do nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương và xây dựng tuyến lộ để phục vụ lợi ích công cộng. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã P (UBND xã) có kế hoạch xây dựng tuyến lộ từ lộ V - Cái Đôi V đến Trạm y tế xã P ngang 03m dài 30m do UBND xã làm chủ đầu tư và nguồn vốn của xã. Trên cơ sở đó, UBND xã có mời các hộ dân để vận động hiến đất thì hộ ông L tự nguyện hiến một phần đất để xây dựng tuyến lộ. Khi đó, UBND xã có lập biên bản, tuy nhiên quá trình nhận đất hiến từ ông L thì UBND xã có nhìn nhận thiếu sót là không kiểm tra thông tin, kiểm tra biến động về phần đất ông L hiến. Nhưng việc kiểm tra thông tin đối với phần đất hiến không thuộc trách nhiệm của UBND xã. Tuy nhiên, việc ông L hiến đất là tự nguyện không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Sau khi phát sinh tranh chấp thì mới phát hiện phần đất mà ông L hiến là thuộc quyền sử dụng của ông T. Tuy nhiên, việc nhận đất hiến từ người dân thì UBND xã không thu hồi đất, không bồi thường và việc xây dựng tuyến lộ cũng nhằm mục đích phục vụ lợi ích của người dân trên địa bàn. Nay ông T yêu cầu UBND xã và vợ chồng ông L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường UBND xã không đồng ý. Việc hiến đất là do ông L tự nguyện hiến cho UBND xã nên UBND xã không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà trách nhiệm bồi thường là của vợ chồng ông L.

Đến ngày 29/10/2024 UBND xã đã ban hành Thông báo số 155/UBND về việc trả đất cho ông T với lý do: Phần đất nằm trong khu vực đất quy hoạch đường giao thông, đồng thời hiện nay đã có chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo Quyết định số 4310/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình tuyến đường đèo nối đường ĐT.986 đến cầu thu phí V2, huyện P. Do đó, Nhà nước sẽ thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng cho ông T theo quy định pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 02/4/2024 bị đơn ông Nguyễn Chí L trình bày: Trước đây ông có phần đất ngang khoảng 40m x dài 55m tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Sau đó, ông chuyển nhượng cho ông T phần đất ngang 4,3m x dài 40m, phần đất hiện nay xảy ra tranh chấp. Khi ông hiến đất cho UBND xã để làm tuyến lộ thì giữa ông và UBND xã có cử cán bộ ra thực địa chỉ ranh, phần đất hiến

diện tích ngang 02m dài hết đất, cụ thể là phần đất còn lại sau khi ông đã chuyển nhượng cho ông T. Khi đó, phần đất của ông T và phần đất hiến đã lên nền. Nhưng khi đó UBND xã không đo đạc cụ thể mà căn cứ vào việc chỉ ranh của ông nên đã tiến hành làm lộ. Không biết, lý do vì sao khi hiến ông đã chỉ ranh phần đất của ông nhưng con lộ làm trên phần đất của ông T. Việc tuyến lộ gây ảnh hưởng đến ông T lỗi thuộc về UBND xã không kiểm tra, đo đạc cụ thể nên UBND xã phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại. Ông không gây thiệt hại nên không có trách nhiệm bồi thường.

Tại biên bản làm việc ngày 02/4/2024 bị đơn bà Võ Ngọc T1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông L, không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu của ông T, không có ý kiến trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản làm việc ngày 17/02/2025 ông Trần Quang L1 trình bày: Vào khoảng năm 2020 Cầu thu phí V được khởi công xây dựng và đưa vào sử dụng. Cầu thu phí được hoạt động theo hợp đồng đầu tư với UBND huyện P. Hợp đồng về việc thu phí thời hạn 19 năm từ năm 2021, đóng thuế VAT cho Nhà nước 10%. Sau khi hết hạn 19 năm cầu thu phí sẽ trả về cho Nhà nước quản lý. Việc xây dựng cầu thu phí được đấu nối với phần đất tranh chấp thì cầu thu phí cũng có hưởng lợi từ việc phần đất được xây dựng làm lộ. Tuy nhiên, khi cầu thu phí được khởi công xây dựng thì hiện trạng phần đất đã được xây dựng (lên nền), khi xây dựng cầu thu phí phía Công ty không biết được việc phát sinh tranh chấp. Sau này, thì Công ty mới biết được việc tranh chấp. Tuy nhiên, ông T thời điểm đó cũng không yêu cầu gì đối với Công ty nên Công ty không có ý kiến. Được biết hiện nay UBND xã P đã có văn bản về việc trả phần đất tranh chấp cho ông T. Trường hợp, ông T có rào lại phần đất tranh chấp thì cũng có hai con đường khác dẫn đến cầu thu phí nên không ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân. Chủ đầu tư cầu thu phí là Công ty Cổ phần V1 và ông Nguyễn Duy A hợp tác đầu tư. Việc đầu tư của hai bên chỉ thỏa thuận miệng không xác lập văn bản. Nay ông T yêu cầu UBND xã và ông L, bà T1 có trách nhiệm bồi thường về phía Công ty không có ý kiến vì việc tranh chấp và trách nhiệm bồi thường không liên quan đến Công ty. Do điều kiện công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đến khi xét xử xong vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 17/02/2025 ông Nguyễn Duy A trình bày: Trước đây ông có hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần V1 để xây dựng Cầu thu phí V. Tuy nhiên, đến năm 2024 ông đã chuyển nhượng cổ phần về cho Công ty Cổ phần V1 nên hiện nay ông không còn quyền lợi gì đối với cầu thu phí. Nay ông T có yêu

cầu UBND xã P và ông L, bà T1 có trách nhiệm bồi thường, ông không có ý kiến vì việc tranh chấp và trách nhiệm bồi thường không liên quan đến ông. Đồng thời, yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 17/02/2025 ông Nguyễn Quốc L2 trình bày: Chủ đầu tư Cầu thu phí V là Công ty Cổ phần V1. Từ trước đến nay ông không góp vốn hay đầu tư vào dự án Cầu thu phí. Đối việc phát sinh tranh chấp không liên quan đến ông nên ông không có ý kiến.

Tại Công văn số 492/UBND-TN ngày 29/01/2024 của UBND huyện P xác định: Công trình xây dựng Tuyến đường đầu nối đường ĐT .986 đến cầu thu phí V, huyện P được UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định 1580/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 do Ban Q đầu tư, dự kiến thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2024, theo quy định của pháp luật đối với phạm vi phần đất của các hộ dân đã hiến (tặng cho) cho Nhà nước để xây dựng đường giao thông trước đây thì không được bồi thường. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Công trình xây dựng tuyến đường đầu nối đường ĐT. 986 đến cầu thu phí V chưa được triển khai đo đạc, kiểm đếm, sau khi triển khai đo đạc, kiểm đếm, nếu phần đất của ông T còn lại (ngoài phạm vi đã hiến xây dựng đường giao thông trước đây) bị ảnh hưởng bởi công trình xây dựng tuyến đường đầu nối đường ĐT. 986 đến cầu thu phí V thì được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà:

- Đại diện UBND xã P trình bày: Hiện nay UBND xã đã trả đất cho ông T nên ông T có toàn quyền về việc sử dụng phần đất nên không đồng ý đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 100.000.000 đồng trong đó gồm các chi phí tố tụng và chi phí trong thời gian ông T không được quản lý, sử dụng đất.

- Ông T trình bày: Ông đồng ý rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu UBND xã P, ông L và bà T1 có trách nhiệm bồi thường số tiền 940.500.000 đồng. Đồng ý nhận khoản tiền hỗ trợ của UBND xã số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- Bà B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông T về việc rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đồng ý nhận khoản tiền hỗ trợ 100.000.000 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 Bộ

luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc yêu cầu UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và ông Nguyễn Chí L, bà Võ Ngọc T1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do quyền sử dụng đất bị xâm phạm số tiền 940.500.000 đồng.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của UBND xã P về việc UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau hỗ trợ thiệt hại cho ông Ngô Văn T số tiền 100.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau về việc trả cho ông Ngô Văn T phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 63m² tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn T khởi kiện Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và ông Nguyễn Chí L, bà Võ Ngọc T1 bồi thường thiệt hại về đất bị xâm phạm là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về đất” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và ông Nguyễn Chí L, bà Võ Ngọc T1 có cùng địa chỉ tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Chí L và bà Võ Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Công ty Cổ phần V1 yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Ông Nguyễn Duy A và ông Nguyễn Quốc L2 xét thấy không liên quan đến quá trình giải quyết vụ án nên không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông T yêu cầu UBND xã P và ông L, bà T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại toàn bộ giá trị phần đất diện tích 171m² theo kết quả thẩm định giá là 940.500.000 đồng. UBND xã tự nguyện hỗ trợ cho ông T 100.000.000 đồng, đối với ông L và bà T1 không đồng ý bồi thường.

Xét thấy, phần đất ông T nhận chuyển nhượng của ông L đã được cấp GCNQSD đất số AD 524101 thửa đất số 290, tờ bản đồ số 04, diện tích 172m²

được UBND huyện P, tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/12/2005, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04/01/2016 ông L đã hiến một phần đất cho UBND xã thực hiện tuyến đường ĐT.986 đến Trạm y tế xã P với chiều dài 210m, nền đường đất đen 04m, mặt đường bê tông 2,5m. Tại biên bản hoà giải ngày 11/5/2018 của UBND xã P, ông L xác định trong quá trình hiến đất cho UBND xã do nhầm phần đất đã bán cho ông T, do không xác định được tường còn là phần đất của ông nên sau khi khởi công xây dựng lộ đã hoàn thành và cơ quan đo đạc tuyến lộ nằm trên nền của ông T nên ông L đã đồng ý hoán đổi phần đất khác cho ông T. Từ đó, xác định việc ông L hiến đất cho UBND xã xây dựng tuyến lộ là phần đất ông L đã chuyển nhượng cho ông T là thực tế đã xảy ra. Đối với UBND xã khi thực hiện tuyến lộ không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng mà chỉ mời các hộ dân cùng trên tuyến lộ vận động hiến đất. Việc nhận đất hiến nhưng UBND xã không kiểm tra thông tin về thửa đất hiến từ đó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người dân.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc hiến đất của ông L và nhận đất hiến nhưng thiếu sự kiểm tra thông tin của UBND xã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Tuy nhiên, tại Thông báo số 155/UBND ngày 29/10/2024 của UBND xã P về việc trả đất cho ông T quản lý, sử dụng. Tại Quyết định số 4310/QĐ-UBND của UBND huyện P ngày 13/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình tuyến đường đàu nối đường ĐT.986 đến cầu thu phí V2, huyện P; thời gian, tiến độ thực hiện dự kiến năm 2024 – 2025. Như vậy, hiện nay phần đất đã được trả cho chủ sử dụng, không còn thiệt hại xảy ra. Khi Quyết định 4310 được triển khai thực hiện thì Nhà nước sẽ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng cho ông T theo quy định pháp luật nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu UBND xã và ông L, bà T1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại toàn bộ giá trị phần đất là không có cơ sở.

Nhận thấy, từ khi ông L hiến đất năm 2016 và tuyến lộ được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng đến thời điểm UBND xã ban hành Thông báo trả đất thì ông T không được quản lý, sử dụng đất đó là thiệt hại thực tế. Tại phiên toà, UBND xã đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho ông T số tiền 100.000.000 đồng bao gồm các khoản chi phí đo đạc 13.311.000 đồng, chi phí thẩm định giá của Công ty Cổ phần T2 (lần 1) 2.320.000 đồng, chi phí thẩm định giá của Công ty Cổ phần T3 (lần 2) 11.540.000 đồng, chi phí thiệt hại trong thời gian không được quản lý, sử dụng đất 72.829.000 đồng. Ông T đồng ý nhận số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự

tự nguyện của các bên đương sự không trái quy định pháp luật nên được ghi nhận sự tự nguyện về việc UBND xã hỗ trợ thiệt hại cho ông T 100.000.000 đồng.

[3] Ông T đồng ý rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND xã và ông L, bà T1 bồi thường thiệt hại số tiền 940.500.000 đồng. Việc rút đơn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ghi nhận sự thỏa thuận của UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau về việc trả lại cho ông T phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 63m² (phần đất bị ảnh hưởng làm lộ) tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

[5] Đối với chi phí định giá lại của UBND xã yêu cầu UBND xã không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[7] Do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn được nhận lại án phí. Buộc UBND xã P phải chịu theo quy định khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc yêu cầu UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và ông Nguyễn Chí L, bà Võ Ngọc T1 có trách nhiệm bồi thường số tiền 940.500.000 đồng. Ông Ngô Văn T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau hỗ trợ thiệt hại cho ông Ngô Văn T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thoả thuận về việc Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau trả lại cho ông Ngô Văn T phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 63m² tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Cụ thể như sau:

- Mốc M1 – M3 - M5 – M6 về M1 có tổng diện tích 63m², trong đó:
- + Từ mốc M1 đến mốc M3 có chiều dài 14.71m.
- + Từ mốc M3 đến mốc M5 có chiều dài 24.31m.
- + Từ mốc M5 đến mốc M6 có chiều dài 13.97m.
- + Từ mốc M6 đến mốc M1 có chiều dài 25.05m.

(Theo Trích đo hiện trạng lập ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH D).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau phải chịu số tiền 5.000.000 đồng.

- Ông Ngô Văn T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019326 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như